

## **BẢN CÔNG KHAI MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU CỦA KIỂU LOẠI XE**

### **1. Thông tin chung**

- 1.1. Tên cơ sở sản xuất/ nhập khẩu: Công Ty TNHH Rebel Motor.
- 1.2. Địa chỉ: 4382C1 Nguyễn Cửu Phú, Khu phố 4, P. Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh
- 1.3. Loại xe phương tiện: Xe mô tô 2 bánh /~~Xe gắn máy 2 bánh~~/loại xe khác<sup>(+)</sup>:
- 1.4. Nhãn hiệu: HONDA
- 1.5. Tên thương mại: DAX125 TAMIYA LIMITED EDITION
- 1.6. Mã kiểu loại (Số loại): ST125A
- 1.7. Số giấy chứng nhận<sup>(2)</sup>: 23KXM/253237
- 1.8. Số Báo cáo thử nghiệm tiêu thụ nhiên liệu số: 6468/NECT-M/23/C, ngày 18/08/2023

### **2. Thông số kỹ thuật của Xe**

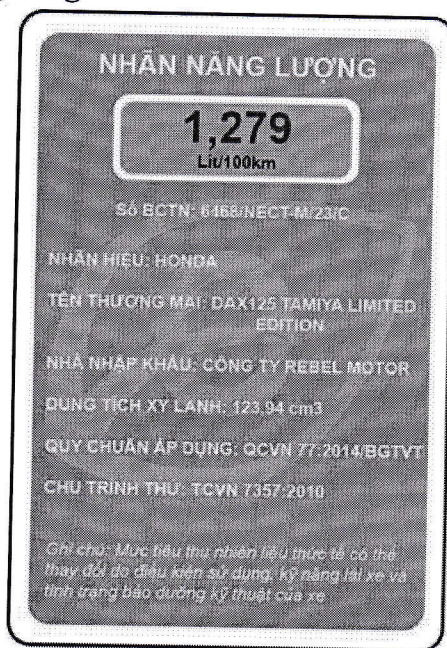
- 2.1. Khối lượng bản thân: 106 (kg)
- 2.2. Khối lượng toàn bộ lớn nhất: 261 (kg)
- 2.3. Động cơ
  - 2.3.1. Kiểu động cơ: JB04E Loại động cơ: Xăng, 4 kỳ, 1 xi lanh, làm mát bằng không khí.
  - 2.3.2. Thể tích làm việc (Dung tích xy lanh): 123,94 cm<sup>3</sup>.
  - 2.3.3. Công suất lớn nhất/số vòng quay: kW/rpm
- 2.4. Hệ thống cung cấp nhiên liệu: ~~Chế hòa khí~~/ phun nhiên liệu/~~khác~~:<sup>(1)</sup>
- 2.5. Hộp số
  - 2.5.1. Điều khiển: Cơ khí/~~Tự động~~<sup>(1)</sup>
  - 2.5.2. Số lượng tỷ số truyền: 4 số
  - 2.5.3. Tỷ số truyền từng cấp số: 2,500/1,550/1,150/0,923//.
- 2.6. Tỷ số truyền cuối cùng: 2,266.
- 2.7. Lốp
  - 2.7.1. Ký hiệu cỡ lốp trực 1: 120/70-12 áp suất lốp: 200 kPa
  - 2.7.2. Ký hiệu cỡ lốp trực 2: 130/70-12 áp suất lốp: 200 kPa
- 2.8. Vận tốc thiết kế lớn nhất do cơ sở sản xuất quy định: km/h

### **3. Công khai mức tiêu thụ nhiên liệu**

3.1. Chu trình thử: TCVN 7357:2010/ ~~TCVN 7358:2010~~/ TCVN 9726:2013/.<sup>(1)</sup>

3.2. Mức tiêu thụ nhiên liệu công khai: 1,279 l/100km

**4. Mẫu nhãn năng lượng công khai**



**5. Ghi chú (nếu có):**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2024

Công Ty TNHH Rebel Motor



Giám Đốc  
Võ Quốc Dương

**Ghi chú:**

(1) Gạch ngang phần không áp dụng.

(2) Đối với xe sản xuất, lắp ráp: số giấy chứng nhận kiểu loại

Đối với xe nhập khẩu: số giấy chứng nhận cấp cho xe nhập khẩu thử nghiệm